| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Bà Trần Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 440/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang L, sinh năm: 1988; thường trú: Khu phố M, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Ph. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị Lan H, sinh năm: 1989; thường trú: Xóm 6, V, thị trấn D, huyện T, tỉnh B; tạm trú: Số 813/9 khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Quang L trình bày: Ông L và bà H tự là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2013 ngày 04/10/2013. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau đó, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trầm trọng, tình cảm hôn nhân không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không tiếp tục kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy mâu thuẫn quá trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắn nên

ông L yêu cầu ly hôn với bà H. Đồng thời ông L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Ông L và bà H có 01 con chung tên Trần Linh S, sinh ngày 16/02/2019. Sau khi ly hôn, ông L giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, bị đơn bà Hà Thị Lan H trình bày: Bà H và ông L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2013 ngày 04/10/2013. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Mâu thuẫn quá trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L. Tuy nhiên, do không sắp xếp được thời gian nên bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Bà H và ông L có 01 con chung tên Trần Linh Sam, sinh ngày 16/02/2019. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2013 ngày 04/10/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông L xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 đến nay và yêu cầu được ly hôn. Bà H thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân không thể hàn gắn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải tH yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Ông L và bà H đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân,

không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L và bà H đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 L Hôn nhân và Gia đình ông L yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông L và bà H có 01 (một) con chung tên Trần Linh S, sinh ngày 16/02/2019. Khi giải quyết ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu S hiện còn nhỏ, từ trước đến nay cháu sống cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ông L đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Linh S cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông L và bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp L.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ L Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ L Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 L Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang L đối với bà Hà Thị Lan H về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang L được ly hôn với bà Hà Thị Lan H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cấp ngày 04/10/2013).

- Về con chung: Ông Trần Quang L giao cháu Trần Linh S, sinh ngày 16/02/2019 cho bà Hà Thị Lan H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Quang L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp L cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, ông L và bà H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà H nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp L. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Quang L và bà Hà Thị Lan H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Quang L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004069, ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Trần Quang L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**